

Số: 5862 /QĐ-UBND

Xuân Trường, ngày 30 tháng 12 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt Đồ án quy hoạch chung xây dựng
xã Xuân Trung đến năm 2030**

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN XUÂN TRƯỜNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Quy hoạch ngày 24/11/2017;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20/11/2018;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17/6/2020;

Căn cứ Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30/8/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-BXD ngày 01/3/2017 của Bộ Xây dựng hướng dẫn về quy hoạch xây dựng nông thôn;

Căn cứ Quyết định số 1732/QĐ-UBND ngày 01/8/2017 của UBND tỉnh Nam Định về việc phê duyệt Quy hoạch xây dựng vùng huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định số 914/QĐ-UBND ngày 07/5/2018 của UBND tỉnh Nam Định về việc phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch xây dựng vùng huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Công văn số 574/UBND-VP5 ngày 17/8/2021 của UBND tỉnh Nam Định về việc tổ chức lập quy hoạch chung xây dựng xã;

Căn cứ Công văn số 1672/SXD-QH ngày 20/10/2021 của Sở Xây dựng Nam Định hướng dẫn lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch chung xây dựng xã;

Căn cứ Công văn số 445/UBND-KT&HT ngày 30/8/2021 của UBND huyện Xuân Trường về việc tổ chức lập quy hoạch chung xây dựng xã;

Căn cứ Thông báo số 09/TB-UBND ngày 12/01/2022 của UBND huyện

Xuân Trường về lập quy hoạch chung xây dựng xã Xuân Trung đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 887/QĐ-UBND ngày 10/3/2022 của UBND huyện Xuân Trường về việc phê duyệt nhiệm vụ và dự toán lập quy hoạch chung xây dựng xã Xuân Trung đến năm 2030;

Căn cứ Công văn số 2170/SXD-QH ngày 30/11/2022 của Sở Xây dựng Nam Định ý kiến đối với Đồ án quy hoạch chung xây dựng các xã Xuân Châu, Xuân Trung, Xuân Ninh, Xuân Phong, huyện Xuân Trường;

Căn cứ Nghị quyết số 31/NQ-HĐND ngày 19/12/2022 của HĐND xã Xuân Trung khóa XIX về việc thông qua nội dung Đồ án quy hoạch chung xây dựng xã Xuân Trung đến năm 2030;

Xét đề nghị của UBND xã Xuân Trung tại Tờ trình số 65/TTr-UBND ngày 26/12/2022 và văn bản thẩm định số 53/KT&HT ngày 09/12/2022 của Phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Đồ án quy hoạch chung xây dựng xã Xuân Trung đến năm 2030 với các nội dung sau:

1. Tên đồ án, vị trí, phạm vi ranh giới, quy mô lập quy hoạch

- Tên đồ án: Quy hoạch chung xây dựng xã Xuân Trung đến năm 2030.

- Vị trí, phạm vi ranh giới, quy mô lập quy hoạch

Lập quy hoạch chung xây dựng xã đến năm 2030 trong phạm vi toàn bộ địa giới hành chính của xã Xuân Trung với diện tích 220,70 ha.

+ Phía Bắc giáp xã Xuân Phương.

+ Phía Nam giáp xã Xuân Vinh.

+ Phía Đông giáp xã Xuân Phương và xã Thọ Nghiệp.

+ Phía Tây giáp thị trấn Xuân Trường.

2. Mục tiêu quy hoạch, tính chất, chức năng của xã

- Mục tiêu lập quy hoạch:

+ Quy hoạch xây dựng chung xã phục vụ cho sự phát triển kinh tế - xã hội, thúc đẩy tiến trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá của địa phương; cụ thể hóa định hướng phát triển kinh tế - xã hội của huyện Xuân Trường.

+ Tiết kiệm đất đai, sử dụng đất hợp lý, có hiệu quả.

+ Triển khai từng bước, đồng bộ công tác lập và quản lý quy hoạch xây dựng theo quy định.

+ Làm cơ sở cho việc lập quy hoạch chi tiết xây dựng, lập các dự án đầu tư và quản lý xây dựng theo quy hoạch được duyệt.

- Tính chất, chức năng của xã:

Là xã có hệ thống hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật đồng bộ, phục vụ cho mục tiêu công nghiệp hoá - hiện đại hoá nông thôn; phát triển về nông nghiệp, công nghiệp và dịch vụ thương mại.

3. Quy mô dân số, lao động; các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật chủ yếu.

3.1. Dự báo phát triển dân số và cơ cấu lao động

- Dân số trên địa bàn xã đến năm 2030 là 8.166 người.

- Dự báo về cơ cấu lao động:

Lao động làm việc trong các ngành phi nông nghiệp chiếm tỷ lệ trên 65%.

3.2. Chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật

3.2.1. Chỉ tiêu một số công trình hạ tầng xã hội

STT	Công trình	Chỉ tiêu sử dụng đất
I	Cấp xã	
1	Trụ sở UBND xã	$\geq 1.000 \text{ m}^2$
2	Nhà văn hoá xã	$\geq 1.000 \text{ m}^2$
3	Khu thể thao xã	$\geq 2.000 \text{ m}^2$ (chưa tính sân vận động)
4	Trạm y tế	$\geq 1.000 \text{ m}^2$ (có vườn thuốc)
		$\geq 500 \text{ m}^2$ (không có vườn thuốc)
5	Bưu điện văn hoá xã	$\geq 150 \text{ m}^2$
6	Chợ xã	$\geq 1.500 \text{ m}^2$ (đối với xã có quy hoạch chợ)
7	Trụ sở Công an xã	$1.000 \text{ m}^2 - 2.000 \text{ m}^2$
8	Trường học	
	+ Trường Mầm non	$\geq 12 \text{ m}^2/\text{học sinh}$
	+ Trường Tiểu học	$\geq 10 \text{ m}^2/\text{học sinh}$
	+ Trường THCS	$\geq 10 \text{ m}^2/\text{học sinh}$
II	Cấp thôn, xóm	
1	Nhà văn hóa - Khu thể thao thôn (xóm)	
	+ Nhà văn hoá thôn (xóm)	Nhà văn hoá thôn (xóm) có tổng diện tích $\geq 300 \text{ m}^2$ (có thể có nhiều vị trí gộp lại)
	+ Khu thể thao thôn (xóm)	Khu thể thao thôn (xóm) có tổng diện tích $\geq 500 \text{ m}^2$ (có thể có nhiều vị trí gộp lại)

3.2.2. Các chỉ tiêu chính về hạ tầng kỹ thuật

TT	Hạng mục	Chỉ tiêu
1	Đường giao thông	
	+ Quốc lộ	Theo quy hoạch của cấp trên
	+ Tỉnh lộ	Theo quy hoạch của cấp trên
	+ Huyện lộ	Theo quy hoạch của huyện
	+ Đường trục xã, liên xã	Cấp IV, cấp V đồng bằng, cấp A
	+ Đường trục chính thôn, xóm	Cấp A, cấp B, cấp C
	+ Đường trục chính nội đồng	Cấp B, cấp C, cấp D
2	Cấp điện sinh hoạt	Tối thiểu 150W/người
3	Cấp nước sinh hoạt	Tối thiểu 60lít/người/ngày đêm

Các chỉ tiêu khác tuân thủ theo Quy chuẩn Quốc gia về quy hoạch xây dựng và các văn bản khác có liên quan.

4. Phân khu chức năng

- Hệ thống trung tâm xã: Khu trung tâm xã sẽ bao gồm hệ thống các công trình trụ sở, sân thể thao xã, khu công viên cây xanh, trường học, y tế, an ninh,...

- Hệ thống thôn, xóm, các khu dân cư tập trung: Ngoài các thôn, xóm hiện có quy hoạch các khu dân cư tập trung, các khu ở mới nhỏ lẻ nằm xen kẽ với các khu dân cư cũ, mới nhằm đáp ứng nhu cầu sử dụng trong tương lai đồng thời chỉnh trang và khép kín các khu dân cư hiện có.

- Khu sản xuất: Gồm các khu vực sản xuất nông nghiệp (trồng trọt, nuôi trồng thủy sản, ...); sản xuất công nghiệp và các vị trí nhỏ lẻ khác.

5. Định hướng tổ chức không gian xã

5.1. Hệ thống trung tâm hành chính, công cộng, công trình y tế, văn hoá - thể thao, giáo dục, tôn giáo - di tích

5.1.1. Trụ sở Đảng uỷ - HĐND - UBND xã

Quy hoạch mở rộng về phía Nam thêm 0,24 ha. Tổng diện tích sau khi mở rộng là 0,37 ha.

5.1.2. Hợp tác xã

- Giữ nguyên vị trí và diện tích trụ sở Hợp tác xã chiếu cói.

- Quy hoạch mới văn phòng hợp tác xã tại phía Tây trường THCS với diện tích 0,015 ha.

5.1.3. Bưu điện

Quy hoạch mới tại phía Tây trường THCS với diện tích 0,015 ha.

5.1.4. Nhà văn hoá

a) Nhà văn hóa xã

Giữ nguyên vị trí và diện tích.

b) Nhà văn hóa các xóm

- Quy hoạch mới nhà văn hoá xóm 2 với diện tích 0,05 ha.
- Quy hoạch mới nhà văn hoá + sân thể thao xóm 4 với diện tích 0,11 ha.
- Giữ nguyên vị trí và diện tích nhà văn hóa các xóm còn lại.

5.1.5. Khu công viên cây xanh, TDTT

a) Sân thể thao trung tâm xã

Quy hoạch mới tại phía Nam trường THCS với diện tích 1,2 ha.

b) Sân thể thao các xóm

- Quy hoạch mới sân thể thao xóm 1 tại phía Đông nhà văn hoá với diện tích 0,11 ha.
- Quy hoạch mới sân thể thao xóm 2 với diện tích 0,22 ha.
- Quy hoạch mới sân thể thao xóm 7 với diện tích 0,09 ha.

c) Khu công viên cây xanh

Quy hoạch mới tại phía Đông Nam xóm 1 với diện tích 0,67 ha.

5.1.6. Các công trình giáo dục

- Trường THCS: Chuyển 1607 m² đất ở phía Bắc cho trường Tiểu học, đồng thời quy hoạch mở rộng về phía Nam và phía Đông thêm 6500 m². Tổng diện tích sau khi điều chỉnh là 1,2 ha.

- Trường Tiểu học: Mở rộng về phía Nam thêm 1607 m². Tổng diện tích sau khi mở rộng là 7567 m².

- Trường Mầm non: Mở rộng về phía Nam thêm 3600 m². Tổng diện tích trường sau khi mở rộng là: 8990 m².

5.1.7. Trụ sở công an xã

Quy hoạch mới tại phía Tây trường THCS với diện tích 0,11 ha.

5.1.8. Trạm y tế

Giữ nguyên vị trí và diện tích.

5.1.9. Các công trình tôn giáo, tín ngưỡng

- Quy hoạch đất xây dựng đình làng tại phía Đông Nam của chợ với diện tích 0,17 ha (vào diện tích đất phi nông nghiệp khác, đất giao thông và một phần đất của chợ).

- Các công trình tôn giáo, tín ngưỡng khác giữ nguyên vị trí và diện tích.

5.1.10. Nghĩa trang liệt sỹ

Quy hoạch mở rộng về phía Bắc, phía Nam và phía Tây thêm 0,13 ha. Tổng diện tích sau khi mở rộng là 0,27 ha.

5.1.11. Chợ xã

Giảm 0,12 ha để quy hoạch đình làng. Diện tích chợ còn lại là 0,32 ha.

5.1.12. Đất công cộng khác

Quy hoạch đất công cộng tại phía Nam trường Mầm non với diện tích 0,42 ha.

* Định hướng kiến trúc cho các công trình công cộng, dịch vụ:

- Đối với trung tâm hành chính, công trình công cộng xã: Định hướng đầu tư xây dựng, phát triển tạo tính kết nối liên hoàn thành hệ thống, có kiến trúc cảnh quan mang tính thẩm mỹ và đặc trưng riêng. Thực hiện cải tạo chỉnh trang đối với những công trình đã xuống cấp hoặc chưa đáp ứng được nhu cầu sử dụng. Tầng cao xây dựng tối đa với các công trình trụ sở, công cộng là 5 tầng.

- Đối với các công trình dịch vụ thương mại: Hình thái kiến trúc phải đảm bảo tính hiện đại, thẩm mỹ và đề cao công năng sử dụng.

5.2. Quy hoạch điểm dân cư nông thôn

- Quy hoạch các khu ở mới tập trung:

+ Vị trí 1: Tại phía Bắc xóm 1 với diện tích 8,0 ha.

+ Vị trí 2: Tại xóm 2, xóm 3, xóm 4 với diện tích 1,6 ha.

+ Vị trí 3: Tại xóm 1, xóm 2 với diện tích 1,42 ha.

+ Vị trí 4: Tại xóm 3 với diện tích 0,57 ha.

- Quy hoạch các khu ở mới nhỏ lẻ khác với tổng diện tích 7,31 ha.

* Định hướng kiến trúc các khu dân cư:

+ Đối với các khu dân cư tập trung quy hoạch mới tại khu trung tâm xã và khu vực giáp các trục đường tỉnh, đường huyện: Định hướng xây dựng các công trình nhà ở theo dạng nhà lô phố hoặc nhà vườn, mang tính thẩm mỹ, với ngôn ngữ kiến trúc hiện đại hoặc kết hợp với các giá trị không gian truyền thống. Tầng cao xây dựng tối đa 7 tầng đối với dạng nhà lô phố và 03 tầng chính đối với dạng nhà vườn.

+ Đối với các khu vực làng xóm hiện hữu và các khu ở mới xen kẽ: Khuyến khích đầu tư xây dựng công trình nhà ở gắn kết với không gian truyền thống đặc trưng của vùng nông thôn, đảm bảo hài hoà trong tổng thể phát triển chung của xã.

5.3. Quy hoạch đất dịch vụ thương mại

- Vị trí 1: Tại phía Nam nhà văn hoá xã với diện tích 0,4 ha.

- Vị trí 2: Giáp đường Xuân Thuỷ - Nam Điền và đường Thọ Phú Đài với diện tích 0,5 ha.

5.4. Quy hoạch đất công nghiệp

Quy hoạch tại vị trí giáp đường Thọ Phú Đài (khép kín khu đất hiện có) với diện tích 0,15 ha.

5.5. Quy hoạch đất dự trữ phát triển

Quy hoạch tại phía Nam xã, giáp đường Xuân Thuỷ - Nam Điền với diện tích 2,6 ha.

5.6. Quy hoạch vùng sản xuất nông nghiệp

- Đất trồng lúa với tổng diện tích 71,49 ha.
- Đất trồng trọt khác với tổng diện tích 16,95 ha.
- Đất nuôi trồng thuỷ sản với tổng diện tích 7,22 ha.

6. Quy hoạch mạng lưới công trình hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng phục vụ sản xuất

6.1. Hệ thống giao thông

6.1.1. Giao thông đối ngoại

Đường Xuân Thuỷ - Nam Điền đoạn qua địa bàn xã có chiều dài khoảng 2,6 km, thực hiện theo quy hoạch giao thông của huyện.

6.1.2. Giao thông đối nội

a) Đường trục xã

Đường TX1 từ đường Xuân Thuỷ - Nam Điền qua cầu Đồi đến chùa Vạn Linh, chiều dài khoảng 1,5 km, giữ nguyên quy mô hiện trạng.

b) Đường trục xóm

Quy hoạch đường trục xóm từ đường Xuân Thuỷ - Nam Điền đến cầu Xuân Quang với quy mô Bmặt $\geq 3,5\text{m}$, Bnền $\geq 5,5\text{m}$.

c) Các đường quy hoạch khác

Quy hoạch mới đường từ trường Mầm non đến Tỉnh lộ 489, chiều dài khoảng 1,0 km, quy mô Bmặt = 9m, Bnền = 15m.

d) Giao thông nội đồng

Tiếp tục thực hiện đầu tư xây dựng, cứng hoá hệ thống đường trục chính nội đồng bảo đảm đạt tiêu chí nông thôn mới, đáp ứng nhu cầu cơ giới hoá, công nghiệp hoá nông nghiệp.

6.2. Định hướng cấp nước

- Nguồn cấp nước sạch cho xã Xuân Trung sẽ được đầu nối từ nhà máy nước của xã.

- Mạng đường ống hiện trạng: cải tạo tuyến ống xuống cấp do sử dụng lâu năm, đồng thời đầu nối với mạng đường ống quy hoạch mới để đảm bảo cấp nước được liên tục khi xảy ra sự cố.

- Mạng đường ống quy hoạch mới: được quy hoạch là mạng kín và mạng hở kết hợp, mạng dịch vụ được đầu nối vào mạng lưới đường ống phân phối để cấp cho các khu vực, có đường kính từ D63 đến D160.

6.3. Định hướng cấp điện

- Nguồn cấp điện cho xã Xuân Trung được lấy từ lưới điện 22kV.

- Tiếp tục duy trì, nâng cấp hệ thống lưới điện trên địa bàn xã và hệ thống các trạm biến áp hiện hữu để cấp điện cho các khu vực hiện trạng.

- Quy hoạch thêm 05 trạm biến áp mới với tổng công suất là 2040 kVA. Vị trí cụ thể do ngành điện khảo sát và bố trí.

6.4. Hệ thống thủy lợi

- Thường xuyên nạo vét, khơi thông dòng chảy tuyến kênh cấp 1, cấp 2.

- Thực hiện kiên cố hoá các tuyến kênh cấp 2, kênh đất cấp 3 còn lại, đảm bảo phục vụ tưới tiêu nông nghiệp.

6.5. Hệ thống thoát nước

- Hướng thoát nước chủ yếu là từ các kênh cấp 2, cấp 3 rồi thoát sông Cát Xuyên, sông Mã.

- Mạng lưới hệ thống thoát nước

- + Đối với khu vực dân cư cũ: Xây dựng hệ thống thoát nước chung; nước thải của khu dân cư, các công trình công cộng được xử lý sơ bộ qua bể tự hoại của từng công trình rồi được dẫn qua hệ thống cống, rãnh dọc theo các trục đường chính và thoát ra các hệ thống kênh mương.

- + Đối với các dự án đã và đang thực hiện trong khu quy hoạch, hệ thống thoát nước thải phải đấu nối với hệ thống thoát nước thải của các đồ án này.

- + Đối với các khu vực xây dựng mới, mở rộng hoặc chưa có hệ thống thoát nước sẽ xây dựng hệ thống cống thoát nước hai bên các trục đường rồi dẫn thoát ra hệ thống kênh mương khu vực. Đối với các khu dân cư tập trung quy hoạch mới, xây dựng hệ thống thoát nước riêng, nước thải sau khi được xử lý tại bể, khu xử lý chung, được đấu nối vào hệ thống thoát nước mặt và dẫn thoát ra kênh mương khu vực.

- + Các tuyến cống chính được bố trí trên vỉa hè của các tuyến đường giao thông, có kích thước B500-B600, độ dốc từ 0,2% đến 0,25%.

6.6. Vệ sinh môi trường

6.6.1. Xử lý chất thải rắn

- Chất thải rắn (CTR) sinh hoạt trên địa bàn xã giai đoạn đầu được thu gom và xử lý tại khu xử lý CTR tập trung của xã. Giai đoạn sau sẽ vận chuyển và đưa đến khu xử lý CTR vùng huyện để xử lý chung cho toàn huyện (theo định hướng quy hoạch xử lý CTR toàn tỉnh đã được phê duyệt).

- Hình thức thu gom rác thải: Tổ chức thu gom CTR bằng xe đẩy tay, xe cơ giới, tập kết CTR tới bãi tập kết rác của các thôn. Đến năm 2030, trên 90% lượng chất thải rắn phát sinh tại các điểm dân cư nông thôn được thu gom và xử lý bảo đảm môi trường.

6.6.2. Nghĩa trang nhân dân

Quy hoạch mở rộng nghĩa trang nhân dân phía Bắc xã về phía Tây thêm 0,56 ha.

7. Danh mục các dự án ưu tiên đầu tư và nguồn vốn

* Danh mục các dự án ưu tiên đầu tư:

- Đầu tư xây dựng hạ tầng khu dân cư tập trung.
- Đầu tư cơ sở vật chất cho các trường học để đạt chuẩn.
- Đầu tư xây dựng các trục đường tại khu trung tâm xã, nâng cấp các đường trục xã, trục thôn xóm; các trục đường qua các khu chức năng quy hoạch mới (đường qua sân thể thao trung tâm xã, khu công viên cây xanh, khu dân cư tập trung,...).
- Đầu tư xây dựng các khu dịch vụ thương mại.
- Xây dựng, nâng cấp hệ thống hạ tầng kỹ thuật thiết yếu (cấp điện; hệ thống cấp nước; hệ thống thoát nước; hệ thống thông tin liên lạc).
- Đầu tư xây dựng, nâng cấp, mở rộng hệ thống hạ tầng xã hội cấp xã và thôn xóm: trụ sở Công an xã, sân thể thao trung tâm xã, khu công viên cây xanh,....

* Nguồn vốn:

Đa dạng hoá nguồn vốn từ các khu vực, thành phần kinh tế:

- Vốn ngân sách Nhà nước.
- Vốn huy động của các doanh nghiệp, nhà đầu tư.
- Các nguồn vốn hợp pháp khác.

8. Quy định quản lý xây dựng theo quy hoạch: Ban hành kèm theo Quyết định này.

9. Giải pháp tổ chức thực hiện quy hoạch chung xây dựng xã

- Tổ chức công khai đầy đủ, kịp thời tất cả các quy hoạch theo quy định, trong đó chú trọng tuyên truyền rộng rãi trên các phương tiện thông tin truyền thông, trên Cổng TTĐT và tích hợp trong cơ sở dữ liệu Quốc gia đảm bảo thuận tiện trong việc tìm hiểu, tra cứu và sử dụng thông tin.

- Tổ chức lập quy hoạch xây dựng chi tiết các điểm dân cư tập trung, các khu vực sản xuất, khu thương mại dịch vụ đã quy hoạch làm cơ sở triển khai các dự án đầu tư nhằm tạo nguồn lực phát triển kinh tế – xã hội của địa phương, trong đó chú trọng các vị trí đã có trong quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, chương trình phát triển nhà ở được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Rà soát, điều chỉnh, bổ sung quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất và các quy hoạch khác sau quy hoạch xây dựng bảo đảm đồng bộ các quy hoạch.

- Tiếp tục tranh thủ và huy động các nguồn lực từ ngân sách nhà nước các cấp, vốn nước ngoài và vốn xã hội hóa để xây dựng hạ tầng kinh tế - xã hội đồng bộ theo quy hoạch.

- Tổ chức thực hiện đầy đủ, kịp thời, hiệu quả các cơ chế khuyến khích đầu tư của Trung ương, của Tỉnh, nhất là các chính sách ưu đãi về đất đai, tín

dụng, thuế,...

- Phối hợp quy hoạch và chuẩn bị mặt bằng tạo điều kiện để các doanh nghiệp đầu tư nâng cấp hạ tầng điện, nước, thông tin truyền thông,... đáp ứng yêu cầu phát triển.

- Kêu gọi thu hút đầu tư hạ tầng kỹ thuật các khu vực thương mại, dịch vụ, ... trên địa bàn. Đồng hành cùng doanh nghiệp tháo gỡ kịp thời những khó khăn, vướng mắc về thủ tục đầu tư, mặt bằng sản xuất,...

10. Danh mục hồ sơ đồ án quy hoạch được phê duyệt

STT	Tên hồ sơ, bản vẽ
1	Thuyết minh quy hoạch
2	Quy định quản lý theo đồ án quy hoạch
3	Sơ đồ vị trí và mối liên hệ vùng
4	Bản đồ hiện trạng tổng hợp
5	Bản đồ quy hoạch sử dụng đất
6	Bản đồ quy hoạch giao thông + thủy lợi
7	Bản đồ định hướng hạ tầng kỹ thuật (hệ thống thoát nước)
8	Bản đồ định hướng hạ tầng kỹ thuật (hệ thống cấp điện + cấp nước)
9	Sơ đồ định hướng phát triển không gian
10	Bản đồ đánh giá môi trường chiến lược

(Chi tiết nội dung theo hồ sơ đồ án quy hoạch đính kèm)

Điều 2. Giao UBND xã Xuân Trung chủ trì, phối hợp các cơ quan, đơn vị liên quan triển khai thực hiện các bước tiếp theo theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Chánh Văn phòng HĐND&UBND huyện, Trưởng phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan và Chủ tịch UBND xã Xuân Trung chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- TT Huyện ủy, HĐND huyện;
- Như Điều 3;
- Công TTĐT huyện;
- Lưu: VT, KT&HT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Đặng Ngọc Cường